TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DSST
Ngày: 30-7-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025. Giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Công ty T3 (gọi tắt là Công ty)

Địa chỉ: Tầng A, Tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 1-số A, đường T, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

-*Người đại diện theo pháp luật*: Ông CHUN YOUNG ILL - Tổng Giám đốc.

-*Người đại diện theo ủy quyền*: Công ty L

Địa chỉ: Số A N, khóm E, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn T - Giám đốc.

-*Người được ủy quyền lại*: Ông Trần Thanh K – sinh năm: 1989. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

-*Bị đơn*: Ông Trần Quốc T1 - sinh ngày: 25/02/1990. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Số D, tổ A, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là khu phố N, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện Công ty T3 trình bày:

Ngày 01/12/2022, Công ty T3 và ông Trần Quốc T1 có thỏa thuận ký hợp đồng số 1101151641, nội dung Công ty thỏa thuận cho ông T1 cho vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/12/2026, lãi suất cố định giải ngân là 38%/01năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mỗi tháng ông T1 phải thanh toán vào ngày 01, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 01/01/2023 đến kỳ cuối là 01/12/2026 số tiền là 1.225.000 đồng. Hình thức vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 26/12/2022 đến ngày 01/10/2023 ông T1 đã thanh toán được 10 kỳ, tổng số tiền gốc là 12.245.220 đồng, sau đó ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, Công ty có trực tiếp trao đổi với ông T1 nhưng ông T1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Công ty T3 yêu cầu ông T1 trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày khởi kiện là ngày 18/10/2024 cụ thể, nợ gốc là 26.820.027 đồng, nợ lãi trong hạn 9.350.798 đồng, nợ quá hạn là 1.934.898 đồng. Tổng cộng là 38.105.723 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 18/10/2024 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Tại bản tự khai ngày 18/6/2025, bị đơn - ông Trần Quốc T1 trình bày:

Ông T1 thừa nhận sự việc vào tháng 12/2022 ông có ký hợp đồng tín dụng với Công ty T3 số tiền gốc là 30.000.000 đồng, thỏa thuận thanh toán trong 48 kỳ, ông T1 đã thanh toán được 10 kỳ được tổng số tiền 12.245.220 đồng. Sau đó do hoàn cảnh kinh tế ông T1 gặp khó khăn nên ông không thanh toán nợ theo các kỳ đã thỏa thuận. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông trả các khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng phát sinh thì ông T1 hoàn toàn thừa nhận nợ và đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng yêu cầu công ty xem xét cho trả dần, vào ngày 16/7/2025, ông sẽ thanh toán trước 10.000.000 đồng, vào ngày 16 hàng tháng tiếp theo ông T1 sẽ tiếp tục thanh toán 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc T1 trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận cho vay đã ký kết, mục đích cho vay là tiêu dùng, đây là

tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 đã được Tòa án cấp tống đạt và triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng ông T1 có đơn xin vắng mặt vì lý do bận công việc. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ngày 01/12/2022, Công ty T3 và ông Nguyễn Văn T2 có thống nhất ký thỏa thuận cho vay theo hợp đồng số 101151641 thể hiện nội dung Công ty cho ông T2 vay số tiền gốc là 30.000.000 đồng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 01/12/2026, lãi suất cố định giải ngân là 38%/01năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mỗi tháng ông T2 phải thanh toán vào ngày 01, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 01/01/2023 đến kỳ cuối là 01/12/2026 số tiền là 1.225.000 đồng. Hình thức vay tín chấp, không tài sản đảm bảo.

Hợp đồng tín dụng trên được hai bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, bảo đảm về mặt nội dung và hình thức nên căn cứ Điều 117, Điều 119 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng là sự thật và công nhận giá trị pháp lý của hợp đồng, hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết thể hiện ông Nguyễn Văn T2 có nhận số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Ông T2 đã thanh toán được số nợ gốc và lãi được 10 kỳ, được tổng số tiền là 12.245.220 đồng. Từ ngày 01/11/2023 ông T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, vi phạm nội dung hợp đồng hai bên đã giao kết tại Điều 2 của hợp đồng.

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện đã được "*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận chuyên môn của bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Quá trình giải quyết vụ án, ông T2 đã thừa nhận có sự việc vay vốn và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó Công ty T3 khởi kiện yêu cầu ông T2 yêu cầu trả nợ gốc còn lại là 26.820.027 đồng là có căn cứ theo quy định Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi:

Công ty yêu cầu ông T2 phải thanh toán lãi còn lại theo hợp đồng đã giao kết, tạm tính đến ngày 18/10/2024 cụ thể, nợ gốc là 26.820.027 đồng, nợ lãi trong hạn 9.350.798 đồng, nợ quá hạn là 1.934.898 đồng. Tổng cộng là 38.105.723 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng sau ngày 18/10/2024 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Xét thấy Công ty T3 là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thành lập, hoạt động và thuộc đối tượng điều chỉnh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng do đó cần áp dụng mức lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Công ty và ông T2 đã thống nhất tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất theo hợp đồng vay vốn đã giao kết, ông T2 không có yêu cầu phản tố về mức lãi suất theo yêu cầu của Công ty, do đó Công ty yêu cầu ông T2 phải thanh toán nợ lãi theo thỏa thuận đã giao kết là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc ông Trần Quốc T1 phải thanh toán cho Công ty T3 số nợ tạm tính đến ngày 18/10/2024 cụ thể, nợ gốc là 26.820.027 đồng, nợ lãi trong hạn 9.350.798 đồng, nợ quá hạn là 1.934.898 đồng. Tổng cộng là 38.105.723 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng số 101151641 đến ngày thanh toán dứt nợ.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Công ty T3 được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp là 952.643 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07 ngày 15/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Trần Quốc T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 38.105.723 đồng x 5% = 1.905.286 đồng làm tròn là 1.905.300 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 385 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 đối với ông Trần Quốc T1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trần Quốc T1 phải thanh toán cho Công ty T3 số tiền nợ tạm tính đến ngày 18/10/2024 cụ thể: nợ gốc là 26.820.027 đồng, nợ lãi trong hạn 9.350.798 đồng, nợ quá hạn là 1.934.898 đồng. Tổng cộng là 38.105.723 đồng (*Ba mươi tám triệu, một trăm lẽ năm nghìn, bảy trăm hai mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng số 101151641 ngày 01/12/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho Công ty T3 số tiền tạm ứng án phí mà đã nộp là 952.643 đồng (*Chín trăm, năm mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07 ngày 15/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Ông Trần Quốc T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 38.105.723 đồng x 5% = 1.905.286 đồng làm tròn là 1.905.300 đồng (*Một triệu, chín trăm lẽ năm nghìn, ba trăm đồng).*

Báo cho Công ty T3 và ông Trần Quốc T1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND KV5-AG
- Phòng THADS KV5-AG;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS.

Nguyễn Thúy An